

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ HUYỆN HOÀNG SU PHÌ  
LẦN THỨ XXI, NHIỆM KỲ 2020-2025**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hoàng Su Phì, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

**Số 01-NQ/ĐH**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN HOÀNG SU PHÌ  
LẦN THỨ XXI, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

-----

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì lần thứ XXI được tổ chức từ ngày 22/7/2020 đến ngày 24/7/2020, tại Hội trường Trung tâm huyện Hoàng Su Phì, tham dự Đại hội có 300/300 đại biểu được triệu tập. Sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XX trình, Đại hội thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ**

**I. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX (2015 – 2020) và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2020 - 2025 nêu trong báo cáo chính trị trình Đại hội, với những nội dung chủ yếu sau:**

**1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020**

Nhiệm kỳ qua với sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo điều hành năng động sáng tạo của chính quyền các cấp, sự phấn đấu nỗ lực vươn lên của cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong huyện, sự quan tâm giúp đỡ của trung ương, của tỉnh, các sở, ban ngành, Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, tranh thủ tối đa các yếu tố thuận lợi để hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đề ra: 24/27 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu.

Kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng ổn định, bền vững. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng phát triển nông, lâm nghiệp sang phát triển thương mại, dịch vụ. Tổng giá trị sản xuất 1.398,7 tỷ đồng (*tăng 385 tỷ đồng so với năm 2015*). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 33,6 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên 24,5 triệu đồng/người/năm (*tăng 9,6 triệu đồng so với năm 2015*). An ninh lương thực được đảm bảo. Thực hiện tốt việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng mỗi xã một sản phẩm (OCOP), trong đó có 05 sản phẩm đạt cấp tỉnh (3 - 4 sao) và 02 sản phẩm (5 sao) được tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT chứng nhận sản phẩm cấp Quốc gia. Công tác quản lý, trồng mới, chăm sóc, khoanh nuôi và bảo vệ rừng được quan tâm; cơ sở vật chất hạ tầng được quan tâm đầu tư 100% xã, thị trấn có đường cứng hoá đến trung tâm, 95% số

thôn có đường xe cơ giới đến trung tâm thôn, 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá kiên cố; hoàn thành 03 xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Lĩnh vực du lịch tạo được bước đột phá, lượng khách du lịch vào địa bàn tăng hàng năm với tổng số đạt trên 50.000 lượt khách, doanh thu đạt trên 65 tỷ đồng (*Tăng 50 tỷ đồng so với năm 2015*).

Giáo dục đào tạo được quan tâm, hoàn thành đạt chuẩn Quốc gia đối với 26 trường, vận động xã hội hóa xây dựng được 31 nhà lưu trú cho học sinh, với tổng số kinh phí trên 40 tỷ đồng. 24/24 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 3.501 người, giải quyết việc làm cho 8.393 lao động, tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm đạt 6,11%. Triển khai thực hiện tốt các đề án, chương trình của Trung ương, tỉnh về quy tụ dân cư, hỗ trợ nhà ở cho nhân dân, trong 5 năm đã thực hiện được 1.760 nhà với tổng kinh phí là 53,683 tỷ đồng.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm về công tác quốc phòng địa phương. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đảm bảo ổn định. Các hoạt động đối ngoại được triển khai linh hoạt và có hiệu quả.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao. Phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng được thực hiện thường xuyên, góp phần xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Công tác dân vận trong hệ thống chính trị được đổi mới toàn diện cả về nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động và địa bàn thực hiện.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được đổi mới. Tổ chức được nhiều phong trào hướng về cơ sở, mỗi đoàn thể có một chương trình hành động riêng gắn với một địa chỉ cụ thể của thôn, xã. Tích cực phát động triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động và tạo sự đồng thuận cao của các tầng lớp nhân dân.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Còn 3/27 chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra (chỉ tiêu về thu ngân sách, chỉ tiêu về tỷ lệ che phủ rừng, chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới). Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông lâm nghiệp hiệu quả chưa cao, chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp, việc phát triển kinh tế vườn hộ hiệu quả chưa cao; giá trị văn hoá, bản sắc các dân tộc chưa được khai thác và phát huy, phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng; tình trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ vẫn còn xảy ra.

Tiến độ thi công, giải ngân một số công trình xây dựng cơ bản và các chương trình dự án còn chậm. Tình trạng ngộ độc thực phẩm vẫn còn xảy ra; chất lượng, năng suất lao động thấp, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng có mặt còn hạn chế; công tác dân vận của đảng chưa thật sự sâu sát.

Công tác cải cách hành chính huyện, xã ở một số khâu hiệu quả chưa cao.

Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ; chưa có tính sáng tạo, đổi mới trong tư duy.

Hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp có lúc, có nơi chưa thật sự sâu sát, một số hoạt động, phong trào hiệu quả chưa thật sự nổi bật; chất lượng giám sát và phản biện xã hội chưa cao.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu 5 năm, nhiệm kỳ 2020 - 2025**

#### **3.1. Mục tiêu tổng quát**

Phấn đấu đến hết năm 2025 huyện Hoàng Su Phì giảm nghèo nhanh và bền vững, cơ bản không còn là huyện nghèo; đến năm 2030 thoát khỏi huyện 30a; đến năm 2045 trở thành huyện phát triển trung bình khá trong tỉnh.

#### **3.2. Chỉ tiêu chủ yếu và các nội dung đột phá, chương trình trọng tâm**

*Đại hội xác định và phấn đấu thực hiện đạt 18 chỉ tiêu chủ yếu, bao gồm:*

##### *\* Về kinh tế*

(1) Thu nhập bình quân đầu người 45 triệu đồng/người/năm

(2) Cơ cấu kinh tế:

- Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: 43%.

- Ngành công nghiệp, xây dựng: 34%.

- Ngành thương mại, du lịch, dịch vụ: 23%

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (*vốn đầu tư của nhà nước, vốn đầu tư ngoài nhà nước...*) 4.250 tỷ đồng

(4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 133 tỷ đồng, trong đó thu thuế và phí đạt 128,4 tỷ đồng

(5) Tỷ lệ hộ được sử dụng điện từ các nguồn đạt 99%

(6) Thu hút khách du lịch 200.000 lượt người

##### *\* Về xã hội*

(7) Tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm 6% trở lên

(8) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế): 08 xã.

(9) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 65%

(10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 50%

(11) Duy trì lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,24%

(12) Thôn biên giới có điện, đường giao thông đạt chuẩn nông thôn mới 100%

##### *\* Chỉ tiêu về môi trường*

(13) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh 96%

(14) Thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đạt 90%



(15) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57%

*\* Về xây dựng Đảng, an ninh trật tự*

(16) Kết nạp đảng viên mới bình quân hàng năm 130 đảng viên trở lên

(17) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 80%; Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 98%

(18) Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự 95%.

*Đại hội xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm; 03 nội dung đột phá của nhiệm kỳ*

*\* 05 nhiệm vụ trọng tâm:*

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

(2) Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới. Tạo sinh kế, nâng cao đời sống cho người dân thông qua việc nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hộ, nhóm hộ, cải tạo vườn tạp, giải quyết việc làm.

(3) Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

(4) Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.

(5) Đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh.

*\* 03 nội dung đột phá:*

(1) Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn và hạ tầng du lịch.

(2) Nâng cao giá trị chè Shantuyết cổ thụ Hoàng Su Phì.

(3) Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân.

*3.3. Nhiệm vụ chủ yếu*

**\* Về phát triển kinh tế:** Tập trung phát triển kinh tế theo định hướng phát triển nhanh, bền vững. Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phấn đấu đến 2025 có 15 sản phẩm được xếp hạng 3, 4 sao, 04 sản phẩm xếp hạng 5 sao. Phát triển chăn nuôi theo quy mô gia trại, trang trại, hộ gia đình. Phấn đấu đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi đến 2025 đạt 32% trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tiếp tục quy hoạch, đầu tư, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa tại khu trung tâm huyện và các xã. Phấn đấu đến 2025, thị trấn Vinh Quang hoàn chỉnh các tiêu chí đô thị loại V và hình thành được ít nhất 02 tuyến phố văn minh, 01 xã cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại V ở miền núi, 95% thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn, trong đó tỷ lệ được cứng hóa đạt 70%.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, duy trì tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có, nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 57% trở lên; phát triển rừng sản xuất, rừng tái sinh, cải tạo vườn tạp; đẩy mạnh việc phát triển trồng cây dược liệu; thực hiện tốt việc giao khoán quản lý, bảo vệ rừng.

Chú trọng lồng ghép các nguồn lực đầu tư từ ngân sách, gắn với thực hiện xã hội hoá để xây dựng Nông thôn mới, lũy kế đến năm 2025 hoàn thành 08 xã và

có ít nhất 15 thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở trung tâm huyện và khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; vận dụng hợp lý các cơ chế để thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư trong lĩnh vực du lịch. Đến năm 2025 thu hút khách du lịch đạt 200.000 lượt người, doanh thu ước đạt 176 tỷ đồng.

Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, trọng tâm là chế biến nông lâm sản. Trong đó tập trung vào việc chế biến chè Shantuyết có tính đặc trưng, khác biệt và chất lượng cao, có sức cạnh tranh cao, sản phẩm mận máu, gạo các loại,... đến năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 1.049,4 tỷ đồng.

Ưu tiên bố trí nguồn lực và mời gọi các nhà đầu tư đến xây dựng các nhà máy chế biến nông lâm sản, chợ đầu mối tiêu thụ nông lâm sản tại Km38 xã Nậm Ty. Đề xuất với các cấp, ngành liên quan để đàm phán với phía Trung Quốc công nhận lối mở mốc 219 xã Bản Máy, mốc 227 xã Thành Tín để thuận tiện hơn trong trao đổi mua bán hàng hóa.

Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản. Tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt ở các xã, thị trấn đạt 90% gắn với chỉnh trang đô thị tại các xã.

**\* Phát triển văn hóa, xã hội:**

Tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục. Giành nguồn lực đầu tư hoàn thiện về cơ sở vật chất trường, lớp học, phấn đấu xây dựng 50% số trường đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, đến năm 2025 100% giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Tăng cường công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng đưa các dịch vụ y tế đến gần hơn với người dân, đến 2025 số lượng bác sỹ đạt 10,2 bác sỹ/vạn dân. Giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sinh con thứ 3 trở lên. Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 ở mức 1,24%.

Tiếp tục bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hoá, văn nghệ, bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá với phát triển du lịch. Phấn đấu đến năm 2025, có trên 75% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; trên 56% số thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa và 80% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

Triển khai thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc và miền núi trên địa bàn huyện, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế cho người dân thông qua nhiều hình thức, biện pháp, giải pháp trong từng lĩnh vực, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm đạt 6%, tạo việc làm mới cho 9.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%.

**\* Công tác nội chính:** Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc

quan điểm, chủ trương của Đảng về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đến năm 2025 hoàn thành 100% số xã, thị trấn bố trí khu vực làm việc đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ban chỉ huy Quân sự - Công an xã, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyên công dân nhập ngũ hàng năm, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng bảo đảm 100% kế hoạch.

Thường xuyên tổ chức tấn công, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao. Xử lý hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, bức xúc xã hội, không để xảy ra các “điểm nóng”. Phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự.

**\* Công tác đối ngoại:** Bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của tỉnh, huyện và tạo cơ hội thu hút viện trợ, đầu tư từ các khu vực ngoài biên giới.

**\* Công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị:**

Kịp thời cụ thể hóa, triển khai có hiệu quả các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tiễn. Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo tình hình, nhìn nhận đánh giá hiệu quả trong việc xây dựng các nghị quyết, đề án, chủ trương lớn của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát các tổ chức đảng, đảng viên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng và ban hành các đề án, chương trình, tổ chức các hội thảo đề khắc phục từng khâu hạn chế trong công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ được đào tạo bài bản trên các lĩnh vực, đánh giá và sử dụng đúng cán bộ; Chú trọng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh đổi mới công tác dân vận của Đảng trong hệ thống chính trị; quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng về công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, trọng tâm là phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới.

Quán triệt, cụ thể hoá chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác cải cách tư pháp. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, đông người. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với hội đồng nhân dân các cấp; nâng cao chất lượng các kỳ họp. Tăng cường công tác giám sát đối với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.



Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, điều hành và hoạt động của chính quyền các cấp. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuẩn hoá, chuyên nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, giải quyết công việc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, trọng tâm là hướng về cơ sở. Đẩy mạnh phong trào nông dân tham gia xây dựng Nông thôn mới, xây dựng “Người Nông dân mới”. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống công đoàn. Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ, phong trào khởi nghiệp ở địa phương. Phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng giới, xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực hiện tốt chức năng, vai trò của cựu chiến binh trong tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

## **II- Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì khoá XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình Đại hội.**

Giao Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXI trên cơ sở nội dung báo cáo và các ý kiến tiếp thu tại Đại hội, tiếp tục phát huy những ưu điểm, những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế. Không ngừng đổi mới phương thức, năng lực lãnh đạo để thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội đề ra.

## **III- Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý xây dựng dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng.**

Đại hội giao Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì khoá XXI có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các ý kiến thảo luận tại Đại hội đã được thông qua để bổ sung, hoàn thiện các văn kiện báo cáo Tỉnh ủy theo quy định.

## **IV- Thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì khoá XXI và bầu Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì đi dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, cụ thể như sau:**

- Kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì khoá XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm **41** đồng chí *(có danh sách kèm theo)*.

- Kết quả bầu Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, gồm **19** đại biểu chính thức và **02** đại biểu dự khuyết *(có danh sách kèm theo)*.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXI có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ về kết quả bầu cử, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy để quyết định chuẩn y theo quy định.

V- Giao Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì khoá XXI có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các ý kiến thảo luận tại Đại hội về dự thảo chương trình hành động của Ban chấp hành thực hiện Nghị quyết khóa XXI để bổ sung và ban hành chính thức. Các cấp ủy, tổ chức Đảng trong toàn huyện Hoàng Su Phì căn cứ

Nghị quyết Đại hội khẩn trương xây dựng chương trình công tác toàn khóa, kế hoạch công tác để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội, đưa Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn cuộc sống.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì lần thứ XXI kêu gọi toàn thể đảng viên, cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện phát huy truyền thống huyện Anh hùng, đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, vì huyện Hoàng Su Phì và tỉnh Hà Giang phát triển, với phương châm **“Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, sáng tạo, phát triển”**. Quyết tâm thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì lần thứ XXI./.

Nghị quyết này đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì lần thứ XXI biểu quyết thông qua.

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**VŨ MẠNH HÀ**

**XÁC NHẬN**

Chữ ký của đồng chí: **Vũ Mạnh Hà**

Thay mặt Đoàn chủ tịch Đại hội ký Nghị quyết Đại hội là đúng

**T/M HUYỆN ỦY**

**PHÓ BÍ THƯ**



*Lưu Văn Chung*





## CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 01-NQ/HU, ngày 24/7/2020 của Huyện ủy)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Mục tiêu thực hiện đến năm 2025	Tăng, giảm so với nhiệm kỳ 2015 - 2020
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU CHỦ YẾU</b>				
<b>I-</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>				
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/năm	24,5	45,0	20,5
2	Cơ cấu kinh tế	%	-	100,0	-
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	-	43,0	-
	- Công nghiệp, xây dựng	%	-	34,0	-
	- Thương mại, dịch vụ, du lịch	%	-	23,0	-
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm (vốn đầu tư của nhà nước, vốn đầu tư ngoài nhà nước)	Tỷ đồng	-	4.250,0	-
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	33,6	133,0	99,4
	- Trong đó thuế và phí	Tỷ đồng	30,6	128,4	97,8
5	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện từ các nguồn	%	98,0	99,0	1
6	Thu hút khách du lịch	Nghìn lượt người	50	200	150
<b>II-</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>				
7	Tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm	%	6,0	6,0	0,0
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã	3	8	5
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50,0	65,0	15,0
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	41,3	50,0	8,7
11	Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,24	1,24	0
12	Thôn biên giới có điện, đường giao thông đạt chuẩn Nông thôn mới	%	75,0	100	25
<b>III-</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>				
13	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	85,0	96,0	11,0
14	Thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt	%	85,0	90,0	5,0
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	53,5	57,0	3,5
<b>IV</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG, AN NINH TRẬT TỰ</b>				
16	Kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm	Đảng viên	200	130	-70
17	17.1 Tỷ lệ TCCSD hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	75,0	80,0	5,0
	17.2 Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	95,0	98,0	3,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Mục tiêu thực hiện đến năm 2025	Tăng, giảm so với nhiệm kỳ 2015 - 2020
18	Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	90,0	95,0	5,0
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ</b>				
<b>I-</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>				
1	Diện tích gieo trồng cây hằng năm	ha	19.121,3	19.150,0	28,7
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	39.721,0	40.947,0	1.226,0
3	Cây rau, đậu các loại	ha	4.958,0	4.958,0	0
4	Cây dược liệu trồng mới	ha	100,0	100,0	0
5	Cây ăn quả	ha	1.340,8	1.640,0	299,2
6	Sản lượng chè búp tươi	tấn	13.731,5	14.000,0	268,5
7	Cò trồng mới + trồng dặm	ha	2.420,9	2.960,0	539,1
8	Thảo quả (lũy kế)	ha	2.212,0	2.212,0	0,0
9	Trồng rừng mới (trồng rừng phân tán)	ha	1.298,5	1.400,0	101,5
10	Bảo vệ rừng	ha	33.849,7	36.049,7	2.200,0
11	Đàn trâu	%	4,0	7,0	3
12	Đàn bò	%	6,0	12,0	6,0
13	Đàn lợn	%	10,0	10,0	0
14	Đàn dê	%	8,0	13,2	5
15	Tổng đàn gia cầm	%	12,0	15,0	3
16	Tổng đàn ong	%	1,0	4,0	3
17	Sản lượng xuất bán thịt hơi gia súc	Tấn	5.645,5	6.329,0	684
18	Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	1.230	1.300	70
19	Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng trên địa bàn	Tỷ đồng	440,0	1.049,4	609
20	Giá trị doanh thu dịch vụ, du lịch, lưu trú	Tỷ đồng	76,0	232,6	157
21	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	430,0	476	46
22	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất trồng cây hàng năm	Triệu đồng	50,0	60	10
23	Thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa (lũy kế)	%	64,0	70,0	6,0
<b>II-</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>				
24	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi mẫu giáo	%	99,3	99,0	-0,3
25	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	99,0	99,0	0,0
26	Tỷ lệ huy động học sinh 6 - 14 tuổi đến trường	%	99,0	99,0	0,0
27	Tỷ lệ huy động học sinh THCS vào THPT	%	65,0	66,0	1,0
28	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	8.393	9.000	607,0
29	Lao động đi làm việc ngoài huyện + Xuất khẩu lao động	Người	2.273	6.300	4.027
30	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Người	3.501	4.500	999

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Mục tiêu thực hiện đến năm 2025	Tăng, giảm so với nhiệm kỳ 2015 - 2020
31	Tỷ lệ thôn tổ dân phố đạt danh hiệu làng văn hóa	%	51,8	56,0	4,2
32	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn làng văn hóa	%	71,0	75,0	4,0
33	Tỷ lệ hộ có tivi	%	85,0	90,0	5,0
34	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	10,0	10,2	0,2
<b>III- CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>					
35	Huấn luyện lực lượng DQTV	%	100	100	0
36	Tỷ lệ công dân nhập ngũ	%	100	100	0
37	Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DQTV	%	27,0	28,0	1,0
38	Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DBĐV	%	25,3	26,0	0,7
39	Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng Công an xã	%	79,0	90,0	11,0
<b>IV- CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN</b>					
40	Trưởng, phó các ban ngành của huyện có trình độ trung cấp lý luận chính trị	%	95	100	5,0
41	Trưởng, phó các ban ngành của huyện có trình độ cao cấp lý luận chính trị	%	50	70	20,0
42	Trưởng, phó các ban ngành của huyện có trình độ sau đại học	%	12,5	30	17,5
43	Cán bộ chủ chốt xã, thị trấn có trình độ trung cấp lý luận chính trị và trình độ chuyên môn đại học	%	100	100	0
44	Cán bộ chủ chốt xã, thị trấn có trình độ cao cấp lý luận chính trị	%	5	10	5,0
45	Cán bộ chủ chốt xã, thị trấn có trình độ sau đại học	%	1,6	5	3,4